

Số: **27** /GPMT-UBND

Đắk Nông, ngày **05** tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 20/CV-ĐT48 ngày 18/9/2023 của Công ty TNHH DT48 Đắk Nông về việc giải trình chỉnh sửa và đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án trang trại chăn nuôi lợn thịt DT 48 Đắk Nông quy mô 24.000 con;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 229/TTr-STNMT ngày 27 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH DT 48 Đắk Nông, địa chỉ: Thôn 17, xã Đắk Drông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trang trại chăn nuôi lợn thịt DT 48 Đắk Nông quy mô 24.000 con, tại thôn 15, xã Đắk Drông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi lợn thịt DT 48 Đắk Nông.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 15, xã Đắk Drông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400418628 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 25/3/2020 và đăng ký



thay đổi lần thứ 1 ngày 19/11/2021.

1.4. Mã số thuế: 6400418628.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ cao, chuồng lạnh, khép kín và bán tự động hóa.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Thôn 15, xã Đắk Drông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô:

Tổng diện tích đất sử dụng là: 198.288,3 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 32.739,1 m²;

+ Diện tích các công trình phụ trợ: 3.402,1 m²;

+ Diện tích công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường: 26.504,8 m²;

+ Diện tích sân đường nội bộ: 18.709,4 m²;

+ Diện tích đất cách ly, trồng cây xanh, thảm cỏ: 116.933 m².

Quy mô chăn nuôi: 24.000 con heo thịt.

Là dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH DT 48 Đắk Nông.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.



2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cư Jút tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT, KH&CN;
- UBND huyện Cư Jút;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty TNHH DT 48 Đắk Nông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, NNTNMT(Ha).

5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên





Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực chuồng trại chăn nuôi, phát sinh khoảng 7,0 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (bao gồm: nước tiểu heo, nước rửa chuồng, nước bể ngâm rửa đàn, phân lỏng sau tách phân, nước mưa rơi vào hồ xử lý (trong mùa mưa) khoảng 434,58 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực chuồng trại chăn nuôi được thu gom xử lý qua bể tự hoại và tự thấm tại giếng thấm bên trong khu vực dự án.

- Dòng nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi được thu gom về bể thu gom, tách phân, sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 600m³/ngày.đêm) để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu chứa tại 3 hồ chứa.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải chăn nuôi sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng được lưu chứa tại 3 hồ chứa (chứa nước sạch sau xử lý) để bơm lên tái sử dụng 100% cho các hoạt động xịt rửa gầm chuồng, ngâm rửa đàn, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút và tưới cây trong khuôn viên trang trại. Đồng thời, trong mùa mưa nước thải sẽ trữ tại 03 hồ có lót bạt trong khuôn viên dự án và tái sử dụng cho hoạt động tưới cây trong khuôn viên trang trại vào mùa khô.

Cây xanh trong dự án với tổng diện tích là 116.933 m² trong tổng diện tích đất là 198.288,3 m².

- Lượng nước tái sử dụng để vệ sinh chuồng trại 269 m³/ngày.đêm.

- Lượng nước phục vụ cho nhu cầu tưới tiêu khoảng 278 m³/ngày.đêm.

2.3. Vị trí xả nước thải:

Tại vị trí nước thải sau xử lý chảy vào 3 hồ chứa trong khu xử lý (chứa nước sạch sau xử lý) tại vị trí dự án thôn 15, xã Đăk Drông, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông.

Tọa độ vị trí xả nước thải: Hồ số 1: tọa độ: X = 421473; Y = 1401059; Hồ số 2: X = 421473; Y = 1401041 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}30'$, múi chiếu 3°); Hồ số 3: X = 421538; Y = 1401321 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải chăn nuôi: $434,58 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, tương đương $18,1 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải chăn nuôi sau hệ thống xử lý tập trung tự chảy theo đường ống về 3 hồ trữ nước thải sau xử lý được bơm lên tái sử dụng như sau:

+ Vào mùa mưa:

* Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi là $420,34 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm; lượng nước mưa rơi vào hồ xử lý là $14,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Tổng lượng nước thải phát sinh lớn nhất là $434,58 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm.

* Lượng nước mưa rơi vào các chứa nước sau xử lý là $23,71 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

* Lượng nước tái sử dụng cho vệ sinh hầm chuồng, ngâm rửa đan, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút là $269 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm.

* Lượng nước bốc hơi vào mùa mưa là $24,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm.

* Lượng nước dư cần trữ lại trong mùa mưa là: $(434,58 + 23,71) - (269 + 24,3) = 164,9 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm. Trung bình số ngày mưa trong năm tại khu vực là 173 ngày/năm thì tổng lượng nước cần lưu trữ lại trong hồ vào mùa mưa là 28.536 m^3 .

+ Vào mùa khô:

* Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi là $420,34 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm (do mùa khô nên không có nước mưa rơi vào hồ xử lý).

* Lượng nước lưu trữ lại trong mùa mưa cần tái sử dụng trong mùa khô là: $28.536 \text{ m}^3/192 \text{ ngày} = 148,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (số ngày không mưa trong năm tại khu vực là 192 ngày/năm).

* Lượng nước tái sử dụng cho vệ sinh hầm chuồng, ngâm rửa đan, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút là $269 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm.

* Lượng nước bốc hơi vào mùa khô là $31,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

* Lượng nước còn lại để tưới cây trong mùa khô là: $(420,34 + 148,6) - (269 + 31,2) = 268,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$.đêm.

Nhu cầu tưới cây cho mùa khô là $278 \text{ m}^3/\text{ngày}$, do đó lượng nước tái sử dụng trong mùa khô đảm bảo tái sử dụng hết 100% lượng nước thải sau xử lý hàng ngày và lượng nước dư trữ lại trong mùa mưa.

- Chế độ xả nước thải:

Nước thải chăn nuôi sau hệ thống xử lý tập trung bơm về 3 hồ trữ nước sau xử lý và tái sử dụng.

Nước thải tái sử dụng cho hoạt động xịt rửa gầm chuồng, ngâm rửa đàn, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút và tưới cây xanh trong khuôn viên trang trại: Xả nước thải là gián đoạn, theo thời điểm xịt rửa gầm chuồng, ngâm rửa đàn, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút và tưới cây xanh trong khuôn viên trang trại.

Nước tái sử dụng cho tưới cây: Tưới theo mùa và tần suất tưới 3 ngày/lần.

- Chất lượng nước thải chăn nuôi trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

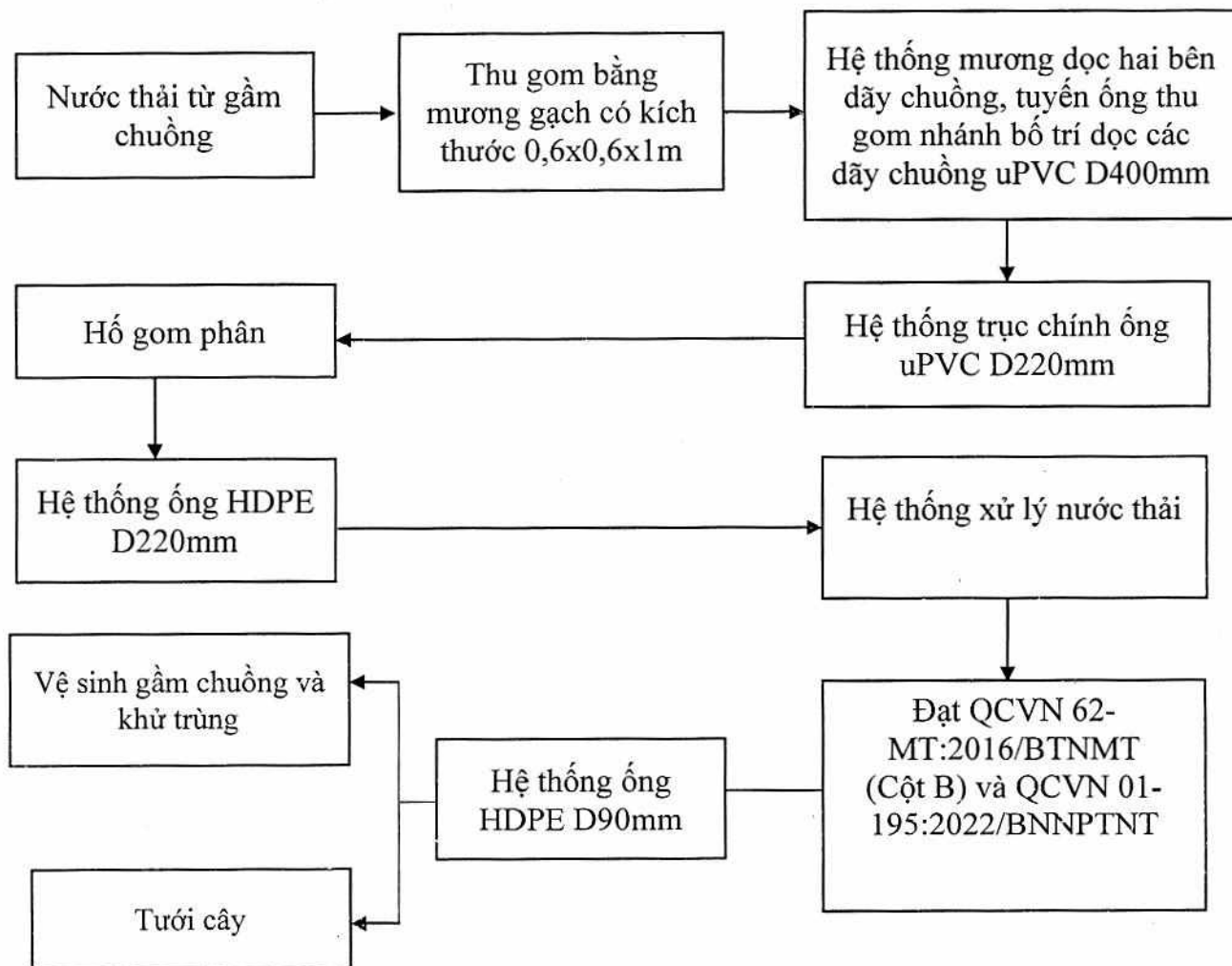
STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) (Kf = 0,9)	QCVN 01-195:2022/BNNPTNT	
1	pH	-	6 - 9	5,5 - 9	3 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	90	-	
3	COD	mg/l	270	-	
4	TSS	mg/l	135	-	
5	Tổng N	mg/l	135	-	
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	-	
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	-	≤ 600	
8	Asen (As)	mg/l	-	≤ 0,1	
9	Cadimi (Cd)	mg/l	-	≤ 0,01	
10	Crom tổng số (Cr)	mg/l	-	≤ 0,5	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	≤ 0,002	
12	Chì (Pb)	mg/l	-	≤ 0,05	
13	E.coli	MPN/100ml	-	> 1.000 – 5.000	

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

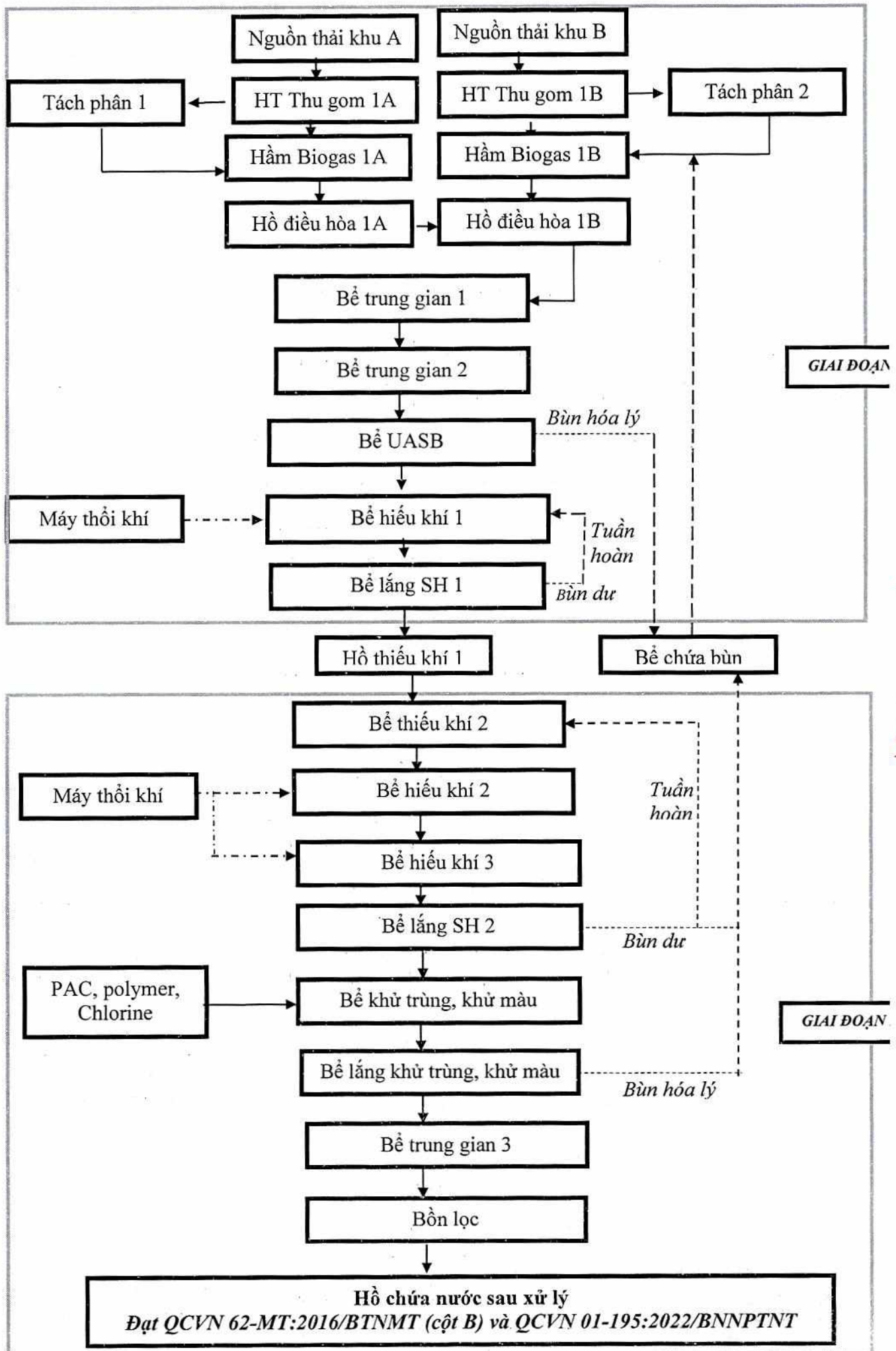
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi gồm: 288m mương thu gom nước thải trong gầm chuồng dọc theo trong các dãy chuồng; 522m công bê tông ly tâm D400 để kết nối giữa các mương thu gom nước thải cuối dãy chuồng; 761m ống dẫn nước thải uPVC D220 về hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi tại Trang trại như sơ đồ sau:



- Công suất thiết kế: 600 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng tính cho xử lý 1m³ nước thải như bảng sau:

STT	Hóa chất	Đơn vị	Định lượng sử dụng (tính cho 1m ³ nước thải)
1	NaOH 99%	Kg/m ³	0,05
2	PAC 30%	Kg/m ³	0,25
3	Polymer anion	Kg/m ³	0,008
4	NaOCl 10%	Kg/m ³	0,02
5	Cơ chất	Kg/m ³	0,2

(Hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Mức lưu lượng xả nước thải (tính theo lưu lượng nước tưới cây) khoảng 278m³/ngày.đêm, thuộc số thứ tự 2 Cột 5 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ theo quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án thực hiện quan trắc nước thải định kỳ với tần suất 3 tháng/1 lần. Khi có quyết định của Chính phủ về thời điểm thực hiện việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với dự án, cơ sở có mức lưu lượng xả nước thải ra môi trường quy định tại số thứ tự 2 và 3 Cột 5 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ theo yêu cầu bảo vệ môi trường theo từng thời kỳ, chủ dự án cam kết tuân thủ theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế sơ đồ công nghệ đã phê duyệt để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam. Vận hành đúng thông số kỹ thuật và thường xuyên giám sát nước thải theo đúng quy định để có cơ sở theo dõi chất lượng nước thải đầu ra.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi, bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao. Bố trí nhân viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng như các công trình, hệ thống xử lý chất thải khác.

- Không vứt rác trong khu vực chuồng hoặc xung quanh dãy chuồng, tránh trường hợp rác bị cuốn vào mương gây ứ đọng, tắc mương tại các điểm giao.

- Bố trí một hồ sự cố có thể tích lưu trữ là 6.963m³ (kích thước: dài 40,6m, rộng 38,5m, sâu 6m) để dự phòng lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố.

- Bố trí máy bơm, đường ống, tủ phân phối điện cố định và máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Đối với những khu vực có nền đất yếu như bờ của các hồ xử lý nước thải và hồ chứa nước thải sau xử lý sẽ được gia cố, đầm nén chặt và trồng bổ sung cây xanh ở những khu vực vị trí xung yếu, bờ có độ dốc cao.

- Trường hợp chất lượng nước thải có các chỉ tiêu không đạt quy chuẩn như đã cam kết, nước thải sau bể khử trùng sẽ được bơm về lại hồ lắng để tiếp tục xử lý lại, đồng thời trại sẽ kiểm tra toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và tìm ra nguyên nhân sự cố. Trong trường hợp do tính chất nước thải thay đổi, các công trình hiện tại không đáp ứng, chủ đầu tư sẽ thông báo với cơ quan quản lý và xin phép điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi công nghệ xử lý trong trường hợp cần thiết để đảm bảo đạt quy chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 15/10/2023 đến ngày 15/03/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 600 m³/ngày.đêm.

Vị trí lấy mẫu; tần suất lấy mẫu; chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm; quy chuẩn so sánh, cụ thể như sau:

STT	Vị trí giám sát	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Số lượng mẫu	Thông số chất ô nhiễm	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý chất thải				
1	Nước thải đầu vào tại vị trí hồ thu gom nước thải trước khi vào Biogas (X = 421337; Y = 1401086)	* Thời gian: - Lần 1: 01/11/2023 - Lần 2: 15/11/2023 - Lần 3: 01/12/2023 - Lần 4: 15/12/2023	05 (mẫu tổ hợp)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng N, Tổng Colifrom, Cl ⁻ , As, Cd, Cr, Hg, Pb, E.coli	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) (Kf = 0,9) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT
2	Nước thải đầu ra tại hồ chứa nước sau xử lý 01 (X = 421473; Y = 1401059)	- Lần 5: 02/01/2024 * Tần suất: 15 ngày/01 lần đo đạc. Lấy và phân tích mẫu tổ hợp.			
II	Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải				
1	Nước thải đầu vào tại vị trí hồ thu gom nước thải trước khi vào hầm Biogas	-Thời gian: 16/01/2024. - Lấy 01 mẫu đơn trong ngày đầu tiên của giai đoạn vận hành ổn định.	01 (mẫu đơn)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng N, Tổng Colifrom, Cl ⁻ , As, Cd, Cr, Hg, Pb,	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) (Kf = 0,9) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT

	(X= 428998; Y=1414976)			E.coli
2	Nước thải đầu ra tại vị trí xả vào Hồ sinh học bậc 2 (X =428996; Y=1415091)	- Thời gian: + Lần 1: 16/01/2024 + Lần 2: 17/01/2024 + Lần 3: 18/01/2024 + Lần 4: 19/01/2024 + Lần 5: 20/01/2024 + Lần 6: 21/01/2024 + Lần 7: 22/01/2024 - Lấy 07 mẫu đơn (01 mẫu/01 ngày) trong 07 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.	07 (mẫu đơn)	

Ghi chú: Trong trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Lắp đặt đồng hồ (thiết bị) đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo đúng quy định khi trang trại có nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng áp dụng QCVN 01-195:2022/BNNPTNT; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu, nhập, xuất heo và chăm sóc vật nuôi (cho heo ăn).
- Nguồn số 2: Mùi hôi trong khu vực chuồng trại.
- Nguồn số 3: Mùi hôi từ hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải.
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ 02 hầm Biogas và ống khói máy phát điện thu khí từ hầm biogas.
- + Nguồn 5: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi cúp điện – máy phát điện dự phòng hoạt động).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

Đối với các nguồn khí thải phát sinh trong khu vực Trang trại như trên thì chỉ có nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ 02 hầm Biogas và ống khói máy phát điện biogas là có vị trí phát thải cụ thể (nguồn điểm).

2.2. Vị trí xả khí thải

Khí gas được thu từ hầm biogas sẽ được dẫn về máy phát điện Biogas công suất 220KVA để phát điện bằng đường ống HDPE D90. Khí Biogas đi vào buồng đốt của máy phát điện đã được lọc bỏ tạp chất, thành phần chính là khí CH₄, khí thải phát sinh sau buồng đốt của máy phát điện biogas chủ yếu là CO₂ và hơi nước, được thải ra ngoài qua ống khói D90, cao 3,5m.

Tọa độ vị trí ống khói máy phát điện biogas: X = 421495, Y = 1401135 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 180⁰30', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 261 m³/ngày tương đương 26,1m³/giờ (ngày xả 10 giờ).

- Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, gián đoạn vào những thời điểm máy phát điện hoạt động.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trang trại không thuộc đối tượng cần quan trắc khí thải định kỳ. Tuy nhiên, để chủ động theo dõi và giám sát chất lượng khí thải phát sinh từ trang trại, chủ đầu tư đề xuất thực hiện giám sát định kỳ đối với khí thải, cụ thể: các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải trước khi xả vào môi

trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Quy chuẩn QCVN 30:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 30:2012/BTNMT	QCVN 19:2009/BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	100	-	3 tháng/lần
2	CO	mg/Nm ³	250	-	
3	NO _x	mg/Nm ³	500	-	
4	SO ₂	mg/Nm ³	250	-	
5	H ₂ S	mg/Nm ³	-	7,5	
6	NH ₃	mg/Nm ³	-	50	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí Biogas sinh ra sẽ được dẫn về máy phát điện Biogas công suất 220KVA để phát điện bằng đường ống HDPE D90.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải hầm biogas → Hệ thống phân phối khí gas → Máy phát điện biogas → Ống khói → Xả ra môi trường

- Công suất thiết kế: công suất máy phát điện 220KVA; lưu lượng xả khí thải 26,1m³/giờ.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Hệ thống xử lý được thiết kế đảm bảo các yêu cầu an toàn về kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống làm mát, hầm biogas, quạt hút và ống khói, đảm bảo khả năng xử lý và thoát khí thải.

- Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát khí thải định kỳ để kịp thời phát hiện nếu hiệu quả xử lý của hệ thống không đảm bảo. Trong trường hợp đã áp dụng vận hành hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật mà nồng độ khí thải vẫn không đạt, Chủ đầu tư sẽ tiến hành xây dựng biện pháp khắc phục, cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng bổ sung công trình xử lý để đảm bảo khí thải đầu ra đạt Quy chuẩn đăng ký.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải thực hiện chương trình vận hành thử nghiệm và chương trình quan trắc đối với khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của trang trại, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đường ống dẫn khí biogas và máy phát điện biogas để phát hiện rò rỉ, hư hỏng để có biện pháp khắc phục, sửa chữa kịp thời, phòng ngừa sự cố xảy ra.

- Bố trí đảm bảo đủ nhân lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Công ty TNHH DT 48 Đắc Nông chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

- Thực hiện chương trình quan trắc chất lượng không khí môi trường lao động, cụ thể như sau:

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

+ KK01: Không khí khu vực cổng chính (tọa độ: X = 421599; Y = 1401199).

+ KK02: Không khí khu vực nhà tách phân số 1 (tọa độ: X = 421403; Y = 1401370).

+ KK03: Không khí khu vực hệ thống xử lý nước thải (tọa độ: X = 421319; Y = 1401109)

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi TSP, CO, NO₂, SO₂, H₂S, NH₃.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Nguồn số 1: Tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi (do heo kêu).
- + Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút.
- + Nguồn số 3: Tiếng ồn từ máy bơm nước thải và máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Khu vực chuồng nuôi, quạt hút sau các dãy chuồng, khu vực hệ thống xử lý nước thải và khu vực đặt máy phát điện.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi (do heo kêu):
 - + Phân cụm chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực văn phòng, nhà ở công nhân.
 - + Cho heo ăn đúng giờ.
 - + Hạn chế vận chuyển heo vào ban đêm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của quạt hút:

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt. Bôi trơn ổ bi, vệ sinh cánh quạt và tấm mở của quạt.

+ Đảm bảo mật độ cây xanh của dự án.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ máy bơm nước thải, máy phát điện dự phòng:

+ Bố trí buồng cách âm với lớp vật liệu hút âm ở mặt trong đối với nhà đặt máy phát điện.

+ Bố trí khu vực đặt máy bơm nước thải cách ly với khu vực nhà ở công nhân, chuồng trại chăn nuôi.

+ Sử dụng các loại thiết bị ít gây ồn và rung nhất.

+ Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách, có đệm chống ồn và chân kê cố định chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: (không).

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không gây ảnh hưởng đến công nhân trong khu vực dự án và người dân gần khu vực dự án./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
I Chất thải nguy hại dạng rắn					
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	7	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	6	
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu không nêu tại mã khác) giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	7	
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 02 02	80	
5	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y,...)	Rắn	14 01 06	179	
6	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/lỏng/bùn	14 02 02	144	
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)(*)	Rắn	14 02 01	-	Xử lý tại Hồ hủy xác dự phòng trong khuôn viên trang trại
II Chất thải nguy hại dạng lỏng					
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	50	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định

(*): Chỉ phát sinh khi có sự cố dịch bệnh xảy ra

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn chăn nuôi thông thường phát sinh:

- Phân heo: phân heo sau khi tách ra khỏi nước thải có khối lượng khoảng 16.770 -18.060 kg/ngày.

- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng từ 1.393-1.625kg/ngày.

- Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng bình quân 5 năm thay 1 lần, mỗi lần thay khoảng 4,6 tấn.

- Xác heo chết do bệnh thông thường: khoảng 1.440kg/tháng, tương đương khoảng 48 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: rác thải sinh hoạt như: vỏ lon, chai nhựa, bì giấy, bao bì, thức ăn thừa...

- Khối lượng phát sinh: khoảng 21 kg/ngày (tương đương 7,67 tấn/năm).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chôn nuôi thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có dán nhãn.

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 35 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho xây gạch, nền bê tông, tường xây gạch tô 2 mặt, sơn nước; cột bê tông cốt thép, mái lợp tôn. Có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh thoát nước mưa xung quanh tránh nước mưa chảy tràn vào bên trong... theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chôn nuôi thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì

- Kho lưu chứa trong nhà:

+ Diện tích nhà ủ phân và chứa phân heo: 02 nhà (nhà số 1: 70 m² và nhà số 2: 140m²; tổng diện tích 02 nhà là 210 m²).

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: nhà 1 tầng, cột bê tông cốt thép, khung kèo tổ hợp lợp tôn, nền bê tông đánh nhám, tường xây gạch tô 2 mặt, sơn nước.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác tập trung bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 120 lít và thùng rác 10 lít tại mỗi phòng làm việc, nhà ở công nhân.

- Khu vực lưu chứa: Thùng rác được bố trí tại các khu vực nhà ở công nhân, nhà ăn, khu vực nhà điều hành và nhà để rác tập trung.

- Diện tích nhà để rác: 35m²

- Thiết kế, cấu tạo của nhà để rác: nhà 1 tầng, nền bê tông đánh nhám, tường xây gạch tô 2 mặt, sơn nước; cột bê tông cốt thép; mái lợp tôn.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại (nếu có):

Không tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải sinh hoạt:

*** Ủ phân compost:**

- Loại chất thải tự tái chế, tái sử dụng: Phân heo, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, xác heo chết do bị bệnh thông thường.

- Khối lượng chất thải tự tái chế, tái sử dụng:

+ Phân heo: 18.060 kg/ngày, tương đương với 6.592 tấn/năm.

+ Bùn từ hệ thống xử lý nước thải: 1.625 kg/ngày, tương đương với 593 tấn/năm.

+ Xác heo chết do bị bệnh thông thường: 1.440kg/tháng, tương đương 17,28 tấn/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tái chế, tái sử dụng:

+ Phân heo sau tách và bùn từ hệ thống xử lý nước thải sẽ được phun chế phẩm vi sinh, trộn đều sau đó được vun đống, phủ bạt để ủ tại 02 nhà ủ phân và chứa phân có tổng diện tích 2 nhà là 210m².

+ Xác heo chết do bị bệnh thông thường sẽ được xay bằng máy xay xác heo có công suất 500kg/mê, sau đó trộn chế phẩm vi sinh và đem ủ cùng phân heo.

+ Phân sau ủ sẽ được tái sử dụng để bón cho cây xanh trong khuôn viên của trại và cung cấp cho đơn vị có chức năng sản xuất phân vi sinh.

*** Hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt:**

Trong giai đoạn khu vực chưa có tuyến thu gom rác thải sinh hoạt, dự án sẽ tự xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh bằng biện pháp chôn lấp.

- Loại chất thải tự xử lý: rác thải sinh hoạt.

- Khối lượng chất thải tự xử lý: 21 kg/ngày tương đương với 7,67 tấn/năm.

- Tóm tắt công nghệ tự xử lý: Rác thải sinh hoạt được thu gom, phân loại và lưu chứa trong thùng chứa rác loại 120 lít tại nhà để rác trước khi vận chuyển đến hồ chôn lấp chất thải sinh hoạt. Rác thải sinh hoạt chôn tại hồ chôn lấp sẽ được phun vi sinh khử mùi, rắc vôi bột và rải một lớp đất mỏng phủ theo định kỳ 1 tuần/lần để tránh ruồi muỗi, mùi hôi phát sinh. Hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt được thi công dạng hồ tròn, đường kính hồ chôn 2m, sâu 2m.

- Công suất thiết kế: 7,67 tấn/năm.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành dự án, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh chết hàng loạt, biện pháp xử lý thực hiện theo Điều 30 Luật Thú y về xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.



Phụ lục 5**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27 /GPMT-UBND
ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Trang trại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

4. Chủ dự án phải đảm bảo đủ điều kiện chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp Giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi Giấy phép.

9. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.